CẤU TRÚC VĨ MÔ VÀ CẤU TRÚC VI MÔ CỦA *TỪ ĐIỂN ĐỊA DANH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH THANH HOÁ*

LÊ THỊ LAN ANH*

Abstract: This article gives an overview about the macrostructure and microstructure of *the dictionary of history and culture's geographic names, aiming for the development of tourism in Thanh Hoa province*, which is a product of Thanh Hoa Province's project. The macrostructure of this dictionary includes a 1000-entry word list (with 1.000 geographic names of Thanh Hoa' s History and Culture), particularly chosen from more than 27 geographic places of towns and cities in Thanh Hoa Province with the principle and criterion aiming for its development in tourism. The microstructure of this dictionary is specially designed to provide tourists with the necessary instruction about the destinations, such as: name, geographical location, historical-cultural value, tourism specialty, tourism connection. We aspire that *the dictionary of history and culture's geographic names in Thanh Hoa province* will act as a valuable handbook for those who would love to give attention to the history, culture and tourism of Thanh Hoa Province.

Key words: *Dictionary, microstructure, macrostructure, geographic names, history-culture, Thanh Hoa.*

1. Đặt vấn đề

Là vùng đất địa linh nhân kiệt với diện tích rộng lớn và vị trí địa lí đặc biệt - gạch nối giữa miền Bắc và miền Trung Việt Nam - tỉnh Thanh Hóa hội đủ các điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Cùng với phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, danh thắng nổi tiếng, sản vật dồi dào, xứ Thanh còn đậm đặc các di chỉ khảo cổ học, chứng tích của các nền văn minh tiền sử nằm trong lòng đất. Theo kết quả điều tra thống kê, hiện nay tỉnh Thanh Hóa có hơn 4.000 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có gần hơn 800 di tích được công nhận là di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh [6]. Các di tích này cũng chính là những địa danh lịch sử - văn hóa quan trọng, là những tài nguyên nhân văn có giá trị đặc sắc mà nếu xây dựng thành những sản phẩm du lịch sẽ là điểm nhấn hết sức khác biệt, độc đáo của du lịch Thanh Hóa. Bên cạnh di sản văn hoá vật thể phong phú, Thanh Hoá còn là kho tàng lưu giữ những giá trị to lớn của văn hoá phi vật thể. Kết quả khảo sát cho thấy hiện Thanh Hóa có hơn 300 lễ hội, lễ tục dân gian được tổ chức hàng năm trên địa bàn 27 huyện, thị, thành phố cùng rất nhiều trò diễn xướng dân gian cũng như các loại hình văn hóa dân gian khác [11]. Các lễ hội, lễ tục tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có thể kể đến như: lễ hội Lam Kinh, lễ

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

hội Bà Triệu, lễ hội Sòng Sơn, lễ hội Mường Xia, lễ hội Mường Khô, lễ hội Mường Ca Da; tục Đốt đuốc đình Liệu của người Kinh, lễ tục Pồn Pôông của người Mường, lễ tục Kin chiêng booc mạy của người Thái… Các loại hình văn hóa dân gian với hệ thống trò diễn, dân ca, dân vũ,… vô cùng phong phú và độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá xứ Thanh như: Trò chiềng (Yên Định), trò Xuân Phả (Thọ Xuân), múa đèn Đông Anh (Đông Sơn), hát chầu Văn (Hà Trung, Bỉm Sơn, hát nhà trò Văn Trinh (Quảng Xương)… cũng có sức thu hút cao đối với khách du lịch.

Với những lợi thế đặc biệt về tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn như vậy, Thanh Hóa có đủ điều kiện để trở thành một điểm đến vô cùng hấp dẫn, kì thú đối với du khách trong và ngoài nước. Việc phát triển du lịch Thanh Hoá được đặt ra như một tất yếu. Để đạt được mục tiêu này thì việc biên soạn *Từ điển địa danh lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa* là một việc làm cần thiết và ý nghĩa. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu một cách khái quát nhất về cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của cuốn Từ điển - là sản phẩm của đề tài cấp Tỉnh: *Xây dựng Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hoá.*

2. Quan niệm về địa danh, địa danh lịch sử - văn hoá

2.1. Quan niệm về địa danh

Hiện nay, trên thế giới và ở Việt Nam tồn tại nhiều quan điểm, cách nhìn khác nhau về địa danh. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi quan niệm: *địa danh là những tên gọi (có cấu tạo là từ hoặc cụm từ) của địa hình thiên nhiên (sông, núi, hang, hồ, ao, vụng, đảo..), công trình xây dựng (cầu, đền, chùa, miếu mạo, lăng, tẩm, nghĩa trang, thành, chợ...), đơn vị hành chính (làng, xã, huyện, thị xã...), vùng lãnh thổ có vị trí xác định trên bề mặt trái đất.*

Theo quan niệm này, địa danh được phân thành 2 loại lớn: *địa danh tự nhiên* và *địa danh phi tự nhiên*. Đối với mỗi nhóm địa danh lại có thể phân thành những tiểu loại nhỏ hơn:

- *Nhóm địa danh tự nhiên* gồm: *sơn danh* (phần lãnh thổ lồi lên so với bề mặt trái đất), *thủy danh* (phần lãnh thổ lõm xuống so với bề mặt trái đất), *vùng đất phi dân cư.*

- *Nhóm địa danh phi tự nhiên* bao gồm: *địa danh hành chính* (huyện/thị xã, xã/ phường, thôn/xóm, bản, khu dân cư, khu đô thị, chung cư....); *địa danh nhân tạo* (công trình giao thông, công trình xây dựng gắn với hoạt động sản xuất - thương mại - dịch vụ, công trình xây dựng gắn với hoạt động cộng đồng, công trình tâm linh...)

2.2. Quan niệm về địa danh lịch sử - văn hoá

Nếu hiểu địa danh theo cách hiểu trên thì *địa danh lịch sử - văn hóa* được hiểu là *những tên gọi địa hình thiên nhiên, công trình xây dựng, đơn vị hành chính, vùng lãnh thổ có giá trị lịch sử, văn hóa.* Như vậy, giá trị lịch sử - văn hóa là tiêu chí cơ bản để phân biệt địa danh thông thường với các địa danh lịch sử - văn hóa. Giá trị lịch sử của các địa danh là giá trị dễ nhận diện. Một địa danh được xác định có giá trị lịch sử là địa danh gắn với một nhân vật lịch sử, một sự kiện lịch sử, nghĩa là gắn với lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc. Trong khi đó, việc xác định giá trị văn hoá của địa danh lại không dễ dàng như vậy. Bởi có nhiều quan niệm rộng hẹp khác nhau về văn hoá. Ở đây, chúng tôi lựa chọn quan niệm rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá: "Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm

thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn" [2, tr.431]. Theo quan niệm rộng về văn hoá như vậy, chúng tôi quan niệm địa danh có giá trị văn hoá không chỉ giới hạn ở những địa danh gắn với phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng mà còn là những danh lam thắng cảnh được con người khai thác và sử dụng.

Với cách hiểu trên đây về địa danh lịch sử - văn hóa, kế thừa cách phân loại các địa danh lịch sử - văn hóa mà tác giả Nguyễn Như Ý và các cộng sự sử dụng trong *Từ điển địa danh văn hóa - lịch sử Việt Nam,* chúng tôi đã phân loại địa danh lịch sử - văn hóa thành những loại sau đây:

- *Địa danh lịch sử - văn hoá chứa di tích lịch sử văn hóa* như: đền, đình, chùa, lăng, miếu, viện, phủ, quán, đài tưởng niệm… được hoặc chưa được nhà nước xếp hạng, còn nguyên vẹn hay đã trở thành phế tích.

- *Địa danh lịch sử - văn hoá gắn với các di chỉ khảo cổ học* đã được phát hiện và miêu tả, ghi chép trong các tài liệu hiện nay hoặc thư tịch cổ.

- *Địa danh lịch sử - văn hoá là các danh lam, thắng cảnh* như: núi, sông, ao, hồ, đầm, vũng, vịnh, hang, động… được phát hiện từ xa xưa hay mới được phát hiện chứa di sản văn hóa vật thể hoặc phi vật thể.

- *Địa danh lịch sử - văn hoá là đơn vị cư trú như làng, xã, thôn, bản, vùng đất, huyện* như: làng nghề truyền thống, làng có lễ hội, có trò chơi, trò diễn, các làng có danh nhân….

- *Địa danh lịch sử - văn hoá là các công trình giao thông, các công trình xây dựng* gắn với hoạt động kinh tế như: chợ, trung tâm thương mại; các công trình công cộng, phúc lợi.

3. Cấu trúc vĩ mô của *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá*

3.1. Căn cứ xây dựng

- Khảo sát cấu trúc vĩ mô một số từ điển: (1) Nguyễn Như Ý, *Từ điển địa danh văn hoá lịch sử Việt Nam,* Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011; (2) Đinh Xuân Lâm, *Từ điển địa danh lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2007; (3) Ngô Đăng Lợi, *Từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng*, Nxb Hải Phòng, 1998; (4) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang, *Từ điển Tuyên Quang*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018; (5) Bùi Thiết, *Từ điển Hà Nội: Địa danh*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 1993.

- Thu thập thông tin bước đầu về các địa danh lịch sử - văn hoá thông qua khảo sát gián tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa, Thư viện tổng hợp tỉnh Thanh Hóa, Thư viện Quốc gia, Phòng Văn hóa 27 huyện thị và khảo sát trực tiếp 300 địa danh lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh.

3.2. Cấu trúc vĩ mô của Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá

Ngoài phụ lục cung cấp thông tin bổ sung cho cuốn từ điển, cấu trúc vĩ mô của *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá* gồm bảng từ với 1.000 mục từ tương đương với 1.000 địa danh lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh. Các địa danh này được lựa chọn dựa vào những nguyên tắc và tiêu chí sau đây:

** Nguyên tắc lựa chọn*

Các địa danh lịch sử - văn hoá được lựa chọn đưa vào Từ điển dựa trên những nguyên tắc sau:

(1) Phù hợp với định hướng phát triển văn hóa - du lịch của tỉnh.

(2) Phản ánh được giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương.

(3) Đảm bảo sự tôn trọng đối với di sản văn hóa (phi vật thể và vật thể) của cộng đồng theo nguyên tắc đa dạng văn hóa.

(4) Đảm bảo sự kết hợp giữa địa danh lịch sử - văn hoá truyền thống và địa danh lịch sử - văn hoá hiện đại.

(5) Đảm bảo sự cân đối giữa các loại địa danh: di tích, di chỉ khảo cổ, làng nghề, làng lễ hội, công trình giao thông, chợ… nhưng ưu tiên những loại địa danh gắn với loại hình du lịch nổi trội của tỉnh.

(6) Hài hoà giữa các địa phương nhưng có chú trọng tới những địa phương được xác định là trọng điểm du lịch của huyện, của tỉnh.

** Tiêu chí lựa chọn*

Tiêu chí 1: Phải là địa danh lịch sử - văn hoá (là những địa danh có giá trị lịch sử và văn hoá).

Tiêu chí 2: Phải là những địa danh lịch sử - văn hoá đáp ứng tiêu chí của một điểm đến du lịch. Cụ thể:

- Có giá trị văn hoá - lịch sử đặc sắc, hấp dẫn với khách du lịch.

- Đang tồn tại hoặc còn khả năng phục dựng, tôn tạo.

- Có khả năng kết nối với các địa danh du lịch và loại hình du lịch khác.

- Đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng (khuôn viên rộng, giao thông, nơi ăn ở thuận lợi…) tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm và lưu trú.

- Có khả năng thu hút khách du lịch thường xuyên và lâu dài.

Việc sắp xếp các mục từ có thể theo thứ tự bảng chữ cái, theo địa chỉ (huyện) hay theo loại địa danh. Tuy nhiên, trong *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá tỉnh Thanh Hoá*, chúng tôi sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái.

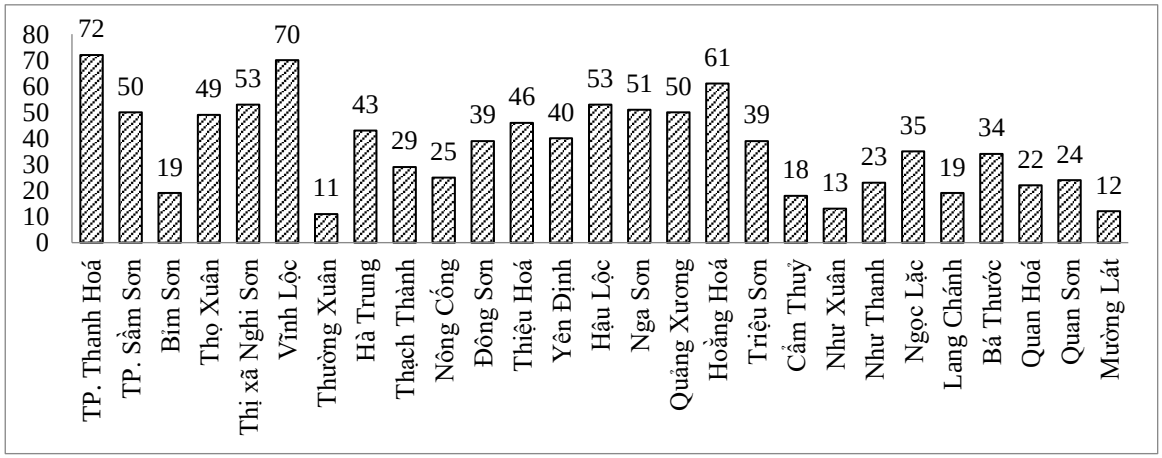
1.000 mục từ (địa danh lịch sử - văn hoá) được lựa chọn đưa vào Từ điển phân bố không đồng đều ở các huyện trong tỉnh.

Bảng: Số lượng địa danh lịch sử - văn hoá ở 27 huyện/thị

TT	Huyện	Số lượng	TT	Huyện	Số lượng
1.	Thành phố Thanh Hoá	72	15.	Nga Sơn	51
2.	Thành phố Sầm Sơn	50	16.	Quảng Xương	50
3.	Bỉm Sơn	19	17.	Hoằng Hoá	61
4.	Thọ Xuân	49	18.	Triệu Sơn	39
5.	Thị xã Nghi Sơn	53	19.	Cẩm Thuỷ	18
6.	Vĩnh Lộc	70	20.	Như Xuân	13

7.	Thường Xuân	11	21.	Như Thanh	23
8.	Hà Trung	43	22.	Ngọc Lặc	35
9.	Thạch Thành	29	23.	Lang Chánh	19
10.	Nông Cống	25	24.	Bá Thước	34
11.	Đông Sơn	39	25.	Quan Hoá	22
12.	Thiệu Hoá	46	26.	Quan Sơn	24
13.	Yên Định	40	27.	Mường Lát	12
14.	Hậu Lộc	53	**TỔNG**		**1.000**

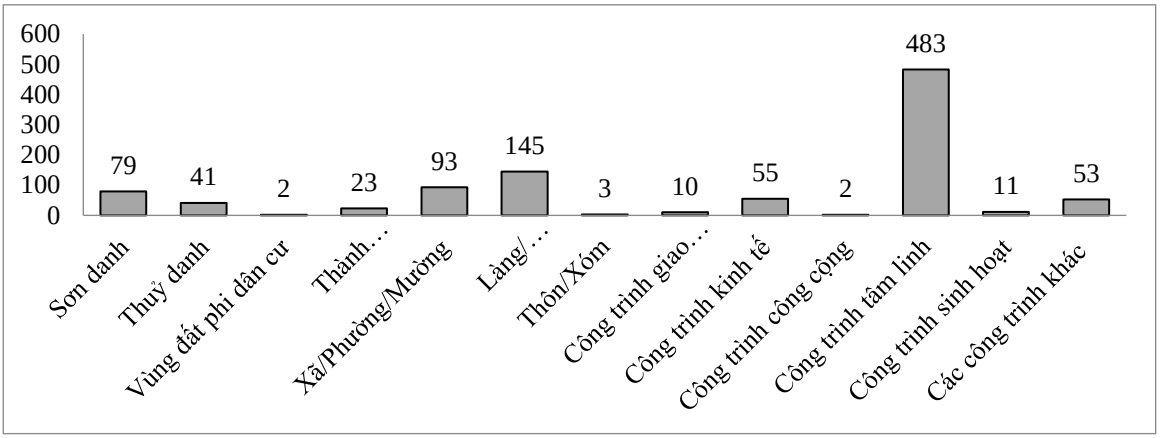
Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, các huyện/ thị/ thành phố trong tỉnh có tiềm năng phát triển du lịch không giống nhau. Nhìn vào bảng trên, có thể thấy, các địa phương trong tỉnh Thanh Hoá có tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch là: thành phố Thanh Hóa (72 địa danh), Vĩnh Lộc (70 địa danh), Hoằng Hóa (61 địa danh), thị xã Nghi Sơn (53 địa danh), thành phố Sầm Sơn (50 địa danh). Các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch hạn chế hơn là: Thường Xuân (11 địa danh), Mường Lát (12 địa danh), Như Xuân (13 địa danh). Có thể hình dung tiềm năng phát triển du lịch của các địa phương ở Thanh Hoá qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 1: Số lượng địa danh lịch sử - văn hoá ở 27 huyện/thị

Trong 1.000 địa danh lịch sử - văn hoá được lựa chọn đưa vào Từ điển, chiếm đa số là các địa danh phi tự nhiên. Tổng số các địa danh phi tự nhiên là: 875/1.000 địa danh, trong đó địa danh hành chính chiếm 264 địa danh và địa danh là các công trình xây dựng chiếm 614 địa danh. Trong các địa danh hành chính, chiếm số lượng lớn nhất là các làng/bản: 145/264 địa danh, tiếp theo là xã/ phường/ mường chiếm 93/264 địa danh. Số địa danh là thành phố, huyện, thị trấn chiếm 23/264 địa danh và hạn chế nhất là các địa danh là thôn/xóm, chỉ chiếm 3/264 địa danh. Trong các công trình xây dựng, có số lượng vượt trội nhất là các công trình tâm linh (đình, chùa, miếu, nghè…): chiếm 483/614 địa danh, tiếp đó là các công trình kinh tế (55/614 địa danh) và các công trình khác như khảo cổ học, an ninh quốc phòng, khu bảo tồn sinh học (53/614 địa danh); số lượng địa danh là các

công trình sinh hoạt và công trình giao thông rất hạn chế: các công trình sinh hoạt chỉ chiếm 11/616 địa danh và các công trình giao thông chỉ chiếm 10/614 địa danh. Tổng số các địa danh tự nhiên chỉ là 125/1.000 địa danh. Trong các địa danh tự nhiên, nhiều nhất là sơn danh (chiếm 79/125 địa danh; thủy danh chiếm 41/125 địa danh và chỉ có 02 địa danh là vùng đất phi dân cư). Có thể hình dung cụ thể thông qua biểu đồ sau đây:



Biểu đồ 2: Phân bố 1.000 địa danh lịch sử - văn hoá theo loại hình địa danh

4. Cấu trúc vi mô của *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá*

4.1. Căn cứ xây dựng

- Khảo sát cấu trúc vi mô một số cuốn từ điển như đã trình bày ở Mục 2.1.

- Thu thập thông tin cụ thể về các địa danh lịch sử - văn hoá thông qua khảo sát gián tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa, Thư viện tổng hợp tỉnh Thanh Hóa, Thư viện Quốc gia, Phòng Văn hóa 27 huyện/ thị/ thành phố và khảo sát trực tiếp 300 địa danh lịch sử - văn hoá.

- Mục đích của việc biên soạn từ điển: biên soạn từ điển để phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hoá.

4.2. Cấu trúc vi mô của Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá

Cấu trúc vi mô của từ điển chính là cách thiết kế thông tin bên trong mỗi mục từ của từ điển. Vì *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá* được nghiên cứu và biên soạn để phát triển du lịch tỉnh Thanh Hoá nên chúng tôi xác định, trong mỗi mục từ, bên cạnh tên mục từ (tên địa danh lịch sử - văn hoá) hoặc tên gọi khác, cần có những thông tin để góp phần định hướng du lịch cho du khách. Do đó, mỗi mục từ sẽ có cấu trúc gồm những thông tin: (1) Tên mục từ, tên gọi khác (nếu có); (2) Loại hình địa danh; (3) Vị trí địa lí; (4) Giá trị lịch sử - văn hoá; (5) Kết nối du lịch; (6) Đặc sản du lịch; (7) Loại hình du lịch và xếp hạng (nếu có).

Dựa vào cấu trúc chung này, chúng tôi đã thiết kế cấu trúc vi mô một số mục từ tiêu biểu phù hợp với 5 nhóm loại hình địa danh lịch sử - văn hoá tiêu biểu. Cụ thể như sau:

Loại địa danh	Cấu trúc mục từ địa danh lịch sử - văn hoá
1. Địa danh lịch sử - văn hoá là các danh lam, thắng cảnh	*1. Tên đầu mục:* bao gồm tên gọi thường gặp và các tên gọi khác (nếu có). *2. Loại hình địa danh*: sơn danh (núi, đồi, đảo, quần đảo, động, đèo, hang, khe, rừng...), thuỷ danh (hồ, sông, suối, thác, cửa sông, cửa biển, vịnh, bãi biển, bãi bồi, biển…), khu bảo tồn thiên nhiên… *3. Vị trí địa lí* - Theo địa lí hành chính (thuộc làng, xã, huyện nào) - Nếu có thêm chỉ dẫn du lịch thì càng tốt (ví dụ: hồ nằm cách thành phố Thanh Hóa 70 km về phía Tây…). *4. Đặc điểm và giá trị lịch sử - văn hoá* *- Đặc điểm* Những đặc điểm nổi trội, khác biệt của địa danh như: nếu địa danh là sơn danh là các đặc điểm địa hình (độ cao, diện tích..); nếu địa danh là thuỷ danh là đặc điểm về kích thước (độ dài, độ sâu, độ cao, độ rộng,...), tổng lượng nước, lưu vực. *- Giá trị lịch sử - văn hóa* Vai trò của thuỷ danh, sơn danh trong lịch sử và trong đời sống văn hoá, xã hội của nhân dân. *5. Kết nối du lịch* Chú ý kết nối các địa danh cùng loại hình, các địa danh gần, các địa danh có mối liên quan (đền, chùa, phủ, miếu… gắn với các lễ hội) hoặc các địa danh nổi tiếng ở huyện lân cận (nếu giao thông thuận tiện). *6. Đặc sản du lịch* Đặc sản về ẩm thực hoặc sản phẩm của các làng nghề trong địa bàn. *7. Xếp hạng* Xếp hạng cấp Quốc gia, cấp Tỉnh của địa danh (nếu có).
2. Địa danh lịch sử - văn hoá là các công trình giao thông, các công trình xây dựng	*1. Tên đầu mục*: bao gồm tên gọi thường gặp (viết in hoa, tô đậm) và các tên gọi khác (nếu có) để trong ngoặc đơn, in nghiêng sau kí hiệu *tk* (tên khác). 2. *Loại hình địa danh*: cầu, đường, bến thuyền, bến đò, bến phà, chợ, trung tâm thương mại, khu tưởng niệm… 3. *Vị trí địa lí:* - Theo địa lí hành chính (thuộc làng, xã, huyện nào?) - Nếu có thêm chỉ dẫn du lịch thì càng tốt (ví dụ: bến phà nằm cách thành phố Thanh Hóa 30 km về phía Nam…) *4. Đặc điểm và giá trị lịch sử - văn hoá* *- Đặc điểm* Những đặc điểm nổi trội, khác biệt của các công trình như: thời điểm xây dựng; kiến trúc; kích thước, vật liệu, thông số kĩ thuật,... *- Giá trị lịch sử - văn hóa* Ý nghĩa của công trình trong lịch sử, trong đời sống xã hội… *5. Kết nối du lịch* Chú ý kết nối các địa danh cùng loại hình, các địa danh gần hoặc các địa danh nổi tiếng ở huyện lân cận (nếu giao thông thuận tiện). *6. Đặc sản du lịch* Đặc sản về ẩm thực hoặc sản phẩm của các làng nghề trong địa bàn. *7. Xếp hạng* Xếp hạng cấp Quốc gia, cấp Tỉnh của di tích (nếu có).
	1. Tên đầu mục: bao gồm tên gọi thường gặp và các tên gọi khác (nếu có) *2. Loại hình địa danh*: đền, đền thờ, phủ, điện, chùa, khu mộ cổ, mộ, lăng mộ, văn chỉ, đình, tháp, nhà thờ Thiên Chúa, tịnh xá, tượng đài, đài tưởng niệm, lăng, miếu, thiền viện, am, nghè, nghĩa trang…

3. Địa danh lịch sử - văn hoá chứa di tích lịch sử văn hóa	*3. Vị trí địa lí:* - Theo địa lí hành chính (thuộc làng, xã, huyện nào?) - Nếu có thêm chỉ dẫn du lịch thì càng tốt (VD: nằm cách thành phố Thanh Hóa 30km về phía Đông…) *4. Đặc điểm và giá trị lịch sử - văn hoá* *- Đặc điểm* Cần chỉ ra những đặc điểm nổi trội, khác biệt của các di tích như: lịch sử hình thành, xây dựng; truyền thuyết, sự tích,... liên quan (nếu có); kiến trúc; hệ thống thờ tự; hiện vật còn lưu giữ *- Giá trị lịch sử - văn hóa* Vai trò của di tích trong lịch sử, trong giáo dục truyền thống, trong đời sống văn hoá của nhân dân… *5. Kết nối du lịch* Chú ý kết nối các địa danh cùng loại hình, các địa danh gần, các địa danh có mối liên quan (đền, chùa, phủ, miếu…gắn với các lễ hội) hoặc các địa danh nổi tiếng ở huyện lân cận (nếu giao thông thuận tiện). *6. Đặc sản du lịch* Đặc sản về ẩm thực hoặc sản phẩm của các làng nghề trong địa bàn. *7. Xếp hạng* Xếp hạng cấp Quốc gia, cấp Tỉnh của di tích (nếu có).
4. Địa danh lịch sử - văn hoá gắn với các di chỉ khảo cổ học	*1. Tên đầu mục*: bao gồm tên gọi thường gặp và các tên gọi khác (nếu có) *2. Loại hình địa danh*: di chỉ khảo cổ, địa điểm khảo cổ… *3. Vị trí địa lí:* - Theo địa lí hành chính (thuộc làng, xã, huyện nào) - Nếu có thêm chỉ dẫn du lịch thì càng tốt (ví dụ: di chỉ khảo cổ nằm cách thành phố Thanh Hóa 50km về phía Tây…) *4. Đặc điểm và giá trị lịch sử - văn hoá* *- Đặc điểm* Cần chỉ ra những đặc điểm nổi trội, khác biệt của các di chỉ khảo cổ học như: hiện vật, niên đại/thời kì, năm khai quật. *- Giá trị lịch sử - văn hoá:* Ý nghĩa khảo cổ học. *5. Kết nối du lịch* Chú ý kết nối các địa danh cùng loại hình, các địa danh gần, các địa danh có mối liên quan hoặc các địa danh nổi tiếng ở huyện lân cận (nếu giao thông thuận tiện). *6. Đặc sản du lịch* Đặc sản về ẩm thực hoặc sản phẩm của các làng nghề trong địa bàn. *7. Xếp hạng* Xếp hạng cấp Quốc gia, cấp Tỉnh của di tích (nếu có).
5. Địa danh lịch sử - văn hoá là đơn vị cư trú như làng, xã, thôn, bản, vùng đất, huyện gắn với các làng nghề, lễ hội, trò chơi, trò diễn…	*1. Tên đầu mục*: bao gồm tên gọi thường gặp và các tên gọi khác (nếu có) *2. Loại hình địa danh*: làng cổ, làng nghề truyền thống, làng có lễ hội, có trò chơi, trò diễn, các làng có danh nhân… *3. Vị trí địa lí* - Theo địa lí hành chính của địa danh gắn với lễ hội, làng nghề, trò chơi, trò diễn nào (thuộc làng, xã, huyện nào) - Nếu có thêm chỉ dẫn du lịch thì càng tốt (Ví dụ: "làng nghề nằm cách thành phố Thanh Hóa 30 km về phía Đông"…) *4. Đặc điểm và giá trị lịch sử - văn hoá*

	- Đặc điểm Tuỳ vào loại hình địa danh mà chỉ ra những đặc điểm nổi trội, khác biệt của địa danh. Chẳng hạn: nếu địa danh là các lễ hội thì sẽ chú ý tới các đặc điểm như: nguồn gốc của lễ hội, ngày tổ chức, các hoạt động chính (phần lễ: các nghi thức, vật tế lễ; phần hội: các trò chơi, trò diễn, các môn thể thao…); nếu địa danh là làng nghề thì chú ý tới các đặc điểm: hình thức, màu sắc, hình dạng, hương vị,... của sản phẩm, nguyên liệu, dụng cụ, quy trình tạo ra sản phẩm… *- Giá trị lịch sử - văn hóa* Nêu được giá trị tiêu biểu của địa danh về mặt lịch sử, văn hoá (giá trị lịch sử văn hoá của lễ hội, làng nghề, trò chơi, trò diễn) *5. Kết nối du lịch* Chú ý kết nối các địa danh cùng loại hình, các địa danh gần, các địa danh có mối liên quan (chẳng hạn: lễ hội sẽ kết nối trực tiếp với đền, chùa, phủ, nghè…, nơi diễn ra lễ hội) hoặc các địa danh nổi tiếng ở huyện lân cận (nếu giao thông thuận tiện). *6. Đặc sản du lịch* Đặc sản về ẩm thực hoặc sản phẩm của các làng nghề trong địa bàn. *7. Xếp hạng* Xếp hạng cấp Quốc gia, cấp Tỉnh, cấp Huyện của lễ hội, làng nghề, trò chơi, trò diễn (nếu có).

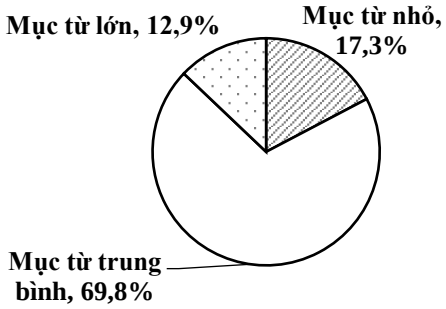
Các mục từ trong cuốn *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá phục vụ phát triển du lịch* được biên soạn theo 3 kích cỡ:

- Mục từ nhỏ: từ 150 đến 400 chữ;

- Mục từ trung bình: từ 400 đến 600 chữ;

- Mục từ lớn: trên 600 chữ.

Kết quả khảo sát 1.000 địa danh lịch sử - văn hoá đã được biên soạn trong *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá phục vụ phát triển du lịch* cho thấy có 173/1.000 địa danh được viết với dung lượng theo quy định của một mục từ nhỏ, chiếm 17,3%. Các địa danh được viết theo quy định của mục từ trung bình chiếm tỉ lệ lớn nhất (698/1.000 địa danh, chiếm 69,8%). Cuối cùng là những địa danh được biên soạn với dung lượng theo quy định của mục từ lớn chiếm 129/1000 địa danh, tương ứng với 12,9%.



Biểu đồ 3: Số lượng địa danh lịch sử - văn hoá theo số lượng chữ

5. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu lí thuyết về địa danh học, từ điển học, khảo sát các từ điển địa danh đã có, hiện trạng du lịch Thanh Hoá, bài viết của chúng tôi đã trình bày cấu trúc vĩ mô và vi mô của *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hoá*. Cấu trúc vĩ mô của Từ điển được xác định là 1.000 mục từ (tương đương với 1.000 địa danh lịch sử - văn hoá) được lựa chọn từ những địa danh lịch sử - văn hoá ở 27 huyện/ thị/ thành phố của tỉnh Thanh Hoá theo những nguyên tắc và tiêu chí nghiêm ngặt. Cấu trúc vi mô của Từ điển cũng được chúng tôi thiết kế phù hợp với đối tượng sử dụng là khách du lịch nhằm cung cấp cho họ những chỉ dẫn cần thiết về điểm đến như: tên gọi, tên gọi khác, vị trí địa lí, giá trị lịch sử - văn hoá, đặc sản du lịch, kết nối du lịch. Theo đó, việc biên soạn *Từ điển địa danh lịch sử - văn hóa Thanh Hóa* là một việc làm có ý nghĩa quan trọng giúp quảng bá, giới thiệu về hệ thống địa danh lịch sử - văn hóa Thanh Hóa - những điểm đến hấp dẫn đối với du khách khi tìm về với xứ Thanh. Hi vọng với cấu trúc vĩ mô và vi mô như vậy, *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Thanh Hoá* sẽ trở thành cẩm nang quý giá cho những ai quan tâm đến lịch sử văn hoá và du lịch xứ Thanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang, *Từ điển Tuyên Quang*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018.

2. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 3, In lần thứ 2, Nxb Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2000.

3, Đinh Xuân Lâm, *Từ điển địa danh lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2007.

4. Ngô Đăng Lợi, *Từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng*, Nxb Hải Phòng, 1998.

5. Bùi Thiết, *Từ điển Hà Nội: Địa danh*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 1993.

6. Phòng Quản lí di sản văn hoá, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch Thanh Hoá, *Danh sách di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đã được xếp hạng (tính đến hết tháng 4 năm 2020).*

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, *Xứ Thanh - những điểm đến du lịch hấp dẫn*, Nxb Thanh Hóa, 2015.

8. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, *Địa chí Thanh Hoá*, tập 1, Nxb Văn hoá Thông tin, 2000.

9. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, *Địa chí Thanh Hoá*, tập 2, Nxb Văn hoá Thông tin, 2004.

10. Nguyễn Như Ý, *Từ điển địa danh văn hoá lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.

11. Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Đề án *Nghiên cứu phục dựng và phát huy giá trị các lễ hội tiêu biểu và các loại hình văn hoá dân gian đặc sắc trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá phục vụ phát triển du lịch*, 2018.